

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Sa Quang Phụng;
+ Ông Hà Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức N, tên gọi khác không; sinh ngày 05 tháng 11 năm 1992 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú tổ 6, thị trấn nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 7/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo Thiên chúa giáo; Quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Nh, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1974; có vợ là Đinh Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “Có mặt”.

2. Họ và tên: Hà Ngọc H, tên gọi khác không; sinh ngày 15 tháng 7 năm 1991 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú tổ 6 (khu 5B cũ), thị trấn nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 9/12; dân tộc Thái; giới tính nam; tôn giáo Thiên chúa giáo; Quốc tịch Việt Nam; con ông Hà Thanh Q, tên gọi khác Hà Ngọc H, sinh năm 1965 và bà Trần Thị H, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; nhân thân: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là một năm về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 43/2019/HS-ST ngày 02/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”; bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “Có mặt”.

- Bị hại: Anh Nguyễn Duy Hùng, sinh năm 1969, trú tại: Thôn Hà Thịnh, xã Sơn Thịnh, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Đặng Văn Mạnh, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

+ Lò Văn Ngọc, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn Bô 2, xã Chấn Thịnh, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 17/01/2016, Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H đi xe mô tô của gia đình Nhân đi chơi về đến khu vực đồi chè tổ 3 (tổ 4A cũ) thấy xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19 của anh Nguyễn Duy Hùng dựng ở ven đường vẫn để chìa khóa xe ở ổ khóa còn anh Hùng vào trong đồi chè ngủ, Nhân và Hiếu nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Nhân bảo Hiếu điều khiển xe của mình đi trước, Nhân đến cạnh chiếc xe mở cốp xe thấy 01 chiếc ví, trong ví có giấy tờ xe và một số giấy tờ khác, Nhân và Hiếu vào thị xã N tìm cửa hàng cầm đồ tiêu thụ chiếc xe trộm cắp được. Do đêm khuya không tìm được chỗ tiêu thụ xe nên Nhân và Hiếu quay về, đến quán cầm đồ của anh Đặng Văn Mạnh tại thôn C, xã P, huyện V, thấy có số điện thoại của anh Mạnh ghi trên biển hiệu, Nhân dùng điện thoại của mình gọi anh Mạnh mở cửa. Sau khi thông nhất Nhân cầm cố chiếc xe với giá 7.000.000 đồng cho anh Mạnh. Khi giao dịch Nhân ghi tên giả vào giấy vay tiền, Hiếu cũng ghi tên giả vào phần người làm chứng. Số tiền cầm cố xe máy Nhân và Hiếu cùng nhau tiêu sài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 25-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V định giá và kết luận:

01 xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19 nhãn hiệu HONDA WAVE anpha màu sơn Đen- trắng- bạc của gia đình anh Nguyễn Duy Hùng tại thời điểm bị Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H trộm cắp ngày 17/01/2016 có trị giá là 11.000.000 đồng

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận định giá nêu trên.

Cáo trạng số: 47/CT-VKS-VC ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H thành khẩn khai báo, công nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Lời khai tại Cơ quan điều tra bị hại anh Nguyễn Duy Hùng trình bày: Ngày 17-01-2016, anh Hùng bị mất chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19. Trong quá trình điều tra Công an huyện V đã thu hồi trả lại anh chiếc xe mô tô trên, anh Hùng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không đề nghị gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan Đặng Văn Mạnh có lời khai tại cơ quan điều tra nội dung: Ngày 17/01/2016, cho các bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19 trộm cắp của anh Nguyễn Duy Hùng, anh Mạnh đã được bị cáo Nhân bồi thường số tiền 4.000.000, đồng, anh Mạnh không có yêu cầu gì các bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi liên quan Lò Văn Ngọc có lời khai tại cơ quan điều tra nội dung: Khoảng tháng 02/2017, do quen biết Đặng Văn Mạnh, Ngọc mua của Mạnh chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19, giấy tờ xe mang tên Trần Thị Lộc, chiếc xe đã bị thu giữ trả cho bị hại. Anh Ngọc và anh Mạnh đã tự thỏa thuận, anh Ngọc không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h và p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm g, h, và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Hà Ngọc H từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999; tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 43/2019/ HS-ST ngày 02/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Hà Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 28/03/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

- Về vật chứng trong vụ án: Quá trình điều tra Công an huyện V đã thu hồi 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1-109.19 trả lại bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận không ai có yêu cầu gì.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H nói lời sau cùng: bị cáo có tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện V, tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Duy Hùng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn Mạnh, Lò Văn Ngọc Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 17/01/2016, khu vực đồi chè tổ 3 (tổ 4A cũ) thị trấn nông trường N, huyện V, Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19 của anh Nguyễn Duy H mang đến quán cầm đồ của anh Đặng Văn M tại thôn C, xã P huyện V, cầm cố chiếc xe với giá 7.000.000 đồng.

Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu. Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, cần áp dụng Bộ luật hình sự đang có hiệu lực pháp luật để giải quyết. Hành vi các bị cáo đã thực hiện cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009).

[3] Các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, nhưng do động cơ vụ lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn tại địa phương. Do đó phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Các Bị cáo không có sự phân công bàn bạc cụ thể vai trò của mỗi người trước và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nhân là người rủ rê, lôi kéo đồng thời là người thực hành tích cực thể hiện bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và là người vào cầm cố tài sản trộm cắp, nên trách nhiệm hình sự đối với Nhân cao hơn Hiếu.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, đã thu hồi tài sản trị giá trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; "Phạm tội gây thiệt hại không lớn"; và "Thành khẩn khai báo" quy định tại các điểm g, h, và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cần xem xét giảm nhẹ cho cả hai bị cáo khi quyết định hình phạt.

Riêng bị cáo Nguyễn Đức N đã bồi thường số tiền 4.000.000 đồng cho anh Đặng Văn M là tình tiết giảm nhẹ “Bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cần xem xét giảm nhẹ cho Nhân.

[5]. Về nhân thân: Cả hai bị cáo trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên bị cáo Hiếu là người thường xuyên sử dụng ma túy. Cần xác định bị cáo H là người có nhân thân xấu.

[6]. Bị cáo N phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần cách ly bị cáo Nhân khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo thì cũng có khả năng tự cải tạo trở thành người tốt, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước trong pháp luật Hình sự đối với người phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt.

Đối với Hà Duy H sau khi phạm tội trộm cắp lại phạm tội mới cụ thể Bản án số 43/2019/HSST ngày 02/8/2019 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đang chấp hành án phạt tù, nên cần tổng hợp hình phạt với Bản án này để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7]. Tại phiên tòa và biên bản xác minh tài sản nơi hai bị cáo cư trú của cơ quan Điều tra cho thấy: Cả hai bị cáo không có tài sản riêng, gia đình không có tài sản gì lớn. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[8]. Về vật chứng của vụ án và tài sản tạm giữ: Các bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Duy H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19, quá trình điều tra Công an huyện V đã thu hồi trả lại anh H chiếc xe này, việc trả lại là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Duy H đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên chủ xe Trần Thị L do Công an huyện V cấp ngày 17/12/2013 bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn M cho các bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21k1-109.19, với giá 7.000.000 đồng, sau đó đã bán cho Lò Văn N, cơ quan Điều tra thu hồi trả cho bị hại. Đặng Văn M đã được Nguyễn Đức N bồi thường một phần, giữa Đặng Văn M, Lò Văn N đã tự thỏa thuận không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Đối với Đặng Văn M là người cho các bị cáo cầm cố xe. Khi giao dịch Mạnh không biết đó là tài sản trộm cắp nên không phạm tội. Lò Văn N mua xe nhưng không biết là tài sản do trộm cắp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V không đề cập xử lý những người này là đúng quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1, Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2, Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, và p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27-11-2019.

Giao bị cáo Nguyễn Đức N cho Ủy ban nhân dân thị trấn nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nhân có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hà Ngọc H **08** (tám) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999; tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 43/2019/HS-ST ngày 02-8-2019 Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hình phạt chung Hiệu phải chấp hành là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 28-3-2019 theo Quyết định thi hành án phạt tù số 58/2019/QĐ-CA của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

3, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Đức N và Hà Ngọc H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Bị hại Nguyễn Duy H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

+ Người có quyền lợi liên quan đến vụ án Đặng Văn M và Lò Văn N có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND TTNT N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thành Long